

tu tuong tu tuong  
tu tuong tu tuong  
tu tuong tu tuong

Tiếng Nói  
của  
Viện Đại Học  
Vạn Hạnh

Bộ Mới  
Năm Thứ Ba  
Số 2

THÍCH MINH CHÂU • NGUYỄN ĐĂNG THỰC  
THÍCH NGUYỄN TÁNH • NGÔ TRỌNG ANH  
LÊ TÔN NGHIÊM • TUỆ SỸ • KIM ĐỊNH  
PHẠM CÔNG THIÊN • THẠCH TRUNG GIẢ

tu tuong tu tuong  
tu tuong tu tuong

[ 1970 ]

# CHỈ VÌ MỘT CHỮ «LÝ»

THÁI ĐỘ TRUNG HOA, VIỆT NAM và NHẬT BẢN về  
KHÁI NIỆM « CÙNG KỲ LÝ » và KHOA HỌC TÂY PHƯƠNG

---

---

TÔN THẤT THIỆN

Tôi đã gặp rất nhiều người, khi bàn về các tác phẩm của Phạm Công Thiện, lấy làm lạ tại sao ông ta lại quá thích « chơi chữ ». Thật ra chính tôi lúc ban đầu cũng nhận thấy Phạm Công Thiện đặt vấn đề phân tách danh từ hơi nặng hay có thể nói rằng ông ta có vẻ bị vấn đề đó ám ảnh. Nhưng tôi không ngạc nhiên lắm, vì trong sự học hỏi của tôi, nhất là ở những năm chót, vấn đề định nghĩa danh từ và dùng danh từ cho đúng nghĩa, vẫn là một vấn đề được các giáo sư của tôi lưu ý tôi và các bạn học. Từ ngày ra trường và tự học hỏi thêm, các tác phẩm mà tôi tra cứu, nếu là tác phẩm của những học giả trừu tượng, đều nhấn mạnh vấn đề xác định nghĩa của những danh từ được dùng, kể cả những danh từ có vẻ thông thường nhất. Phần khác, trong những hoạt động ở lãnh vực hoặc công, hoặc tư, nhất là về



ngoại giao và hành chánh, tôi phải luôn luôn chú ý đến vấn đề « bút sa gà chết » và thận trọng trong việc dùng danh từ. Nói tóm, trong lãnh vực học cũng như trong lãnh vực hành, dè dặt trong sự dùng danh từ là một việc tôi đã làm rất thường.

Nhưng những năm được may mắn chung đụng với Phạm Công Thiện đã đem lại cho tôi một quan niệm chính xác hơn nhiều, nếu không nói là một ý thức mới, về tầm hệ trọng của vấn đề mở xẻ danh từ, vì những năm đó cũng là những năm tôi đặc biệt nghiên cứu, suy tư về những lý do thịnh suy của Việt nam và những nước Á đông khác nhất là những nước thuộc vùng văn hóa Khổng giáo. Sự nghiên cứu và suy tư đó dần dần đưa tôi từ lãnh vực lịch sử, chính trị, và xã hội vào lãnh vực tư tưởng. Và đặt vấn đề tư tưởng là đặt vấn đề danh từ, và nhất là nội dung của khái niệm chứa đựng trong những danh từ được dùng đến. Những khái niệm đó thuộc đủ loại, nhưng hai loại quan trọng nhất vẫn là khái niệm về người — (trong cương vị cá nhân cũng như đoàn thể — chính trị và xã hội) — và vật. Đặt vấn đề người tất nhiên phải đặt vấn đề giáo dục — hiểu theo nghĩa rộng: tạo thái độ hay luyện tư tưởng, — và đặt vấn đề vật tất nhiên phải đặt vấn đề giải thích hiện tượng thiên nhiên, nghĩa là vấn đề khoa học.

Lúc còn nhỏ, tôi cũng như những trẻ đồng tuổi, thường được nghe cha mẹ hay những người lớn quanh mình nhắc đến những điều « thánh » dạy, hay « cổ nhân » nói. Nhưng những năm tôi bắt đầu cấp sấp đến trường là những năm mà sự cần thiết thuộc lòng « nhân chi sơ tánh bản thiện » không còn nữa, mà mục tiêu gần lá cái bảng tiểu học xa



hơn nữa là bằng « primaire », và xa hơn một bước nữa là bằng « dip lôm » hay tú tài, khỏi cần bận trí đến việc bút nghiên, lều chõng. Có thầy đồ trong nhà cũng như không, vì không thuộc bài, không tập viết thì chẳng ai la rầy, trừng phạt nặng. Nhưng nghe nhiều, không nhớ được hết thì cũng nhớ được vài câu căn bản. Sau này, lúc gần hai mươi, sắp thi « bachot » may gặp lúc phong trào chấn hưng Nho học, Phật học đang lên, nên cũng được đọc những sách căn bản. Nhưng đọc thì biết vậy, nhất là vấn đề đạo đức, tu thân, tề gia, quân tử, trung dung, nhân quả, v. v... Tuy rằng những năm đó là những năm mà đàn anh chúng tôi bắt đầu soạn tự điển, dịch sách khoa học v. v... tôi không nhớ có phong trào xét lại Nho học theo tinh thần khoa học, hay vấn đề liên hệ giữa Nho học và khoa học. Vấn đề này đã đến với tôi trong những năm được hun đúc « tinh thần khoa học » và « vô tư » ở các đại học Âu châu, trong những năm chuẩn bị tiến sĩ và nhất là sau khi về nước.

Trong suốt những năm ở ngoại quốc, đi đâu tôi cũng đèo theo ba quyển *Đại Học*, *Trung Dung* và *Luận Ngữ*, đọc đi đọc lại nhiều lần, nhưng chỉ sau khi về nước, và từ lúc vào Đại Học Vạn Hạnh, tôi mới thấy rõ giá trị và sự thâm thúy của tư tưởng Khổng Mạnh và của một số Nho gia khác, nhất là về khía cạnh phương pháp. Từ đó, sưu tầm xem những người đàn anh của thế hệ tôi, hoặc Nho học hoặc Tây học, có để ý đến vấn đề như tôi không là một việc tự nhiên. Và từ đó, muốn so sánh với các nước khác cũng theo Nho học như Việt nam cũng là một việc tự nhiên khác. Sự sưu tầm này đưa tôi đến sự so sánh thái độ của giới lãnh đạo trí thức của các nước đó, nhất là phản ứng của họ đối với khoa học, đặc biệt là nhận định hay thiếu nhận định



trương quan giữa tinh thần Khổng học và khoa học — trùng hợp hay mâu thuẫn nhau?

Thái độ và nhận định của những Nho gia nói trên xoay quanh vấn đề định nghĩa chữ « Lý » trong khái niệm « cùng kỳ lý » được đề cập đến trong *Đại Học*, chương V, nói về cách vật chí tri. Sự định nghĩa đó rất khác trong giới Nho gia Nhật và giới Nho gia Trung hoa và Việt nam. Sự khác biệt định nghĩa đó đã đưa Nhật bản đến độc lập phú cường, trong khi Trung hoa và Việt nam bị suy vong, lấn áp. Phú cường hay suy vong, chỉ vì một chữ « Lý »: Nho gia Trung hoa (và học trò họ mù quáng của họ là Nho gia Việt nam) quan niệm « lý » là *đạo lý* và dừng lại đó, trong khi Nho gia Nhật quan niệm « lý » vừa là *đạo lý* vừa là *vật lý*. Kết quả là Trung hoa và Việt nam, qua thời gian, đã không thấu nhận được khoa học mà *đạo lý* cũng mất luôn — vì nhiều lý do, nhưng lý do chính là mất chủ quyền vì không đạt được phú cường — trong khi Nhật bản vừa giữ được *đạo lý* vừa thấu nhận được khoa học; nhờ đó họ đã đạt được phú cường và tuy bị bại trận trong Thế giới chiến thứ hai, chỉ trong vòng hai mươi năm đã trở thành đại cường quốc thứ ba ngày nay. Nguyên do cũng chỉ vì một chữ « Lý »! Phạm Công Thiện chẻ danh từ làm trăm mảnh ai dám nói đó là việc của một anh trí thức gàn! Riêng tôi, tôi không dám phê phán như vậy, vì tôi cũng đang bước trên con đường đó, tuy bước chậm hơn — nguyên tử trong óc tôi không bay vùn vụt như nguyên tử trong óc Phạm Công Thiện! — Nhưng xin bàn tiếp về chữ « Lý » và số phận ba xứ Nhật, Hoa, Việt.

\* \* \*



Một trong những sự khác biệt giữa phản ứng của Nhật bản và Trung hoa và Việt nam là trong khi Nhật đặt nặng vấn đề giáo dục — cả đạo lẫn thuật —, thì Trung hoa và Việt nam đặt nặng vấn đề chính trị. Nói một cách khác, một đảng thì chú tâm ở chữ « Lý », một đảng thì chú tâm về chữ « Trị ».

Quan niệm « Trị » của Nho giáo đặt nặng vấn đề « Nhân », và do đó, hệ thống giáo dục hướng hoàn toàn về tu thân, theo nghĩa đạo lý. Mục đích của « Giáo » là « Đạo »: Tu đạo chi vị giáo. Quan niệm này là một quan niệm hẹp hòi của Nho gia. Chương V của *Đại Học* nói « chí tri tại cách vật », nhưng Nho gia lại không chú ý ở chữ *vật*, mà chỉ chú ý đến chữ *tri* và suy giải tri chỉ là tri đạo. Cho nên trong khái niệm « cùng kỳ lý » chữ « lý » cũng được hiểu theo nghĩa đạo lý, được coi như căn bản của quốc gia. Về sau, Hàn Phi Tử bác bỏ quan niệm này, nhưng quan niệm của Hàn Phi cũng là một quan điểm chú tâm vào chữ « Trị ». Dù là đức trị theo quan niệm của Khổng Mạnh, hay pháp trị theo quan niệm của Hàn Phi, trọng tâm tư tưởng Trung hoa vẫn là chính trị, và dù cả hai quan điểm đều nhấn mạnh nguyên tắc « chính giáo đồng nhất », vấn đề chính trị vẫn là vấn đề chính, nếu không nói là mối ưu tư duy nhất của lớp lãnh đạo trí thức Trung hoa. Nhờ đó mà Trung hoa có một sự ổn định chính trị đã làm cho các học giả Âu châu như Max Weber khâm phục. Nhưng cũng vì vậy mà kỹ thuật của Trung hoa không tiến bước nào trong mấy nghìn năm.

Đến Chu Hy, danh từ « lý » vẫn giữ nguyên nghĩa, và được dành cho đạo lý. Khi đề cập đến vật, đến tạo hóa, thì Chu Hy dùng chữ « khí », nhưng Chu Hy cũng không chú ý



gi lắm đến khía cạnh này. Đến khi Âu châu xâm nhập Trung hoa vào thế kỷ XIX, phe thủ cựu cũng như phe duy tân tiếp tục đặt nặng vấn đề chính trị và duy trì hay thay đổi thể chế chính trị, thay vì suy giải lại Khổng giáo thế nào để Trung hoa duy tân được mà vẫn duy trì được căn bản đạo lý của mình. Hai nhân vật chủ trương duy tân có ảnh hưởng nhất của Trung hoa ở cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX Kang Yu Wei (Khang Hữu Vi) và L'iang Ch'i Ch'ao (Lương Khải Siêu) cũng như những nhà cách mạng về sau Sun Yat Sen (Tôn Dật Tiên) đều dồn tâm trí mình vào vấn đề cải tổ chính trị, thay đổi thể chế, thay vì xét lại căn bản tư tưởng Trung hoa về khía cạnh thấu nhận khoa học. Mà vì vậy, phe thủ cựu cũng như phe cách mạng xoay quanh vấn đề duy trì hay bãi bỏ chế độ quân chủ chuyên chế xây dựng trên quan niệm Khổng giáo của Tống Nho. Vấn đề thay đổi phương pháp tư tưởng, để đi đến thấu nhận khoa học (nhờ khuyến khích sinh ngữ và thực học) không được đặt lên hàng đầu. Phe thủ cựu thì nhất quyết giữ nguyên tình trạng, đồng thời áp dụng chánh sách bế quan tỏa cảng ngu dân, cho khoa học kỹ thuật Tây âu là «mọi rợ»; phe duy tân thì tìm cách đánh sập chế độ theo Khổng giáo mà không lo cải tổ giáo dục trước. Khi chế độ cũ bị đánh sập, Trung hoa không có gì vững chắc để dựa và dân chúng không có gì để bầu víu. Hệ thống giá trị cũ xây trên quan niệm đạo lý không còn, mà hệ thống giá trị mới xây trên vật lý không có. Rốt cục Trung hoa là một khu đất trống về giá trị. Một nước không có một hệ thống giá trị rõ ràng thì không thể nào có sự ổn định chính trị. Và không có ổn định chính trị thì không thể hùng cường được, vì không xây dựng gì được.



Trung hoa sao thì Việt nam vậy. Vua Gia Long, sau khi thống nhất xứ sở một phần lớn nhờ người và kỹ thuật Âu châu lại triệt để quay theo Tàu. Ba triều kế tiếp đều đẩy mạnh chính sách bế quan tỏa cảng cho đến khi mọi việc đều đổ bể, hết cơ cứu vãn. Vua Minh Mạng để cho năm chiến hạm tối tân hư rết vì không chịu thuê chuyên viên ngoại quốc trông coi hay dạy cho người Việt trông coi; trong khi đó vua chỉ ham Nho học. Vua Tự Đức thì cho người Âu châu là «mọi» và hỏi tại sao ta lại phải đi học với mọi! Cũng như vua Minh Mạng, vua Tự Đức là một ông vua rất bận tâm về đạo lý, nhưng không biết, và không muốn biết gì, về vật lý. Dem người ngoài vào dạy cũng không cho; đưa người trong xứ đi học cũng không cho. Chung quy cũng vì chữ «lý» mang quá nặng chất đạo.

Sau Tự Đức, những nhà Nho của ta cũng vẫn tiếp tục quan niệm cũ. Phong trào Cần Vương là một phong trào theo đạo lý. Phong trào Duy tân, dù là phái Phan Bội Châu hay phái Phan Chu Trinh, cũng đều đặt nặng đạo lý, hoặc Đông hoặc Tây. Điều này cũng không lạ mấy, vì các nhà Nho Việt nam — dù là cách mạng — đều phải đọc Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu vì không biết — và cũng không học — sinh ngữ. Kể cả quốc ngữ các cụ cũng không thấy cần thiết phải học (Cụ Phan Bội Châu quá 40 tuổi mới bắt đầu học quốc ngữ, Cụ Huỳnh Thúc Kháng bị đày ra Côn đảo mới học tiếng Pháp). Đền phong trào cách mạng thanh niên cũng đặt nặng vấn đề chính trị hơn vấn đề giáo dục, nghĩa là nặng vấn đề đạo lý hơn vấn đề vật lý. Nói đúng hơn, không có nhà cách mạng nào đặt vấn đề đạo lý và vật chất đồng đều trong chủ trương canh tân xứ sở. Đồng thời, cho đến ngày nay, tất cả chính phủ Việt nam đều theo đuổi chính sách bế quan





tỏa cảng: vì lý do này hoặc lý do khác, họ vẫn hạn chế sự học hỏi của dân chúng. Riêng phần cộng sản thì nếu họ đặt nặng vấn đề vật lý thì họ lại quay lưng cho đạo lý; và họ cũng đeo đuổi chính sách bế quan tỏa cảng. Nói tóm, cho đến ngày nay, nếu ta được đạo lý thì lại không có vật lý, và ngược lại. Đó là nguyên do chính của sự suy vong của ta gần hai thế kỷ nay.

\* \* \*

Trong khi Việt nam và Trung hoa sa lầy thì Nhật bản đi một con đường khác, và trên con đường đó họ đã theo đuổi lần đạo lý lẫn vật lý, vì lớp trí thức của họ đã làm được việc kỳ tài là suy giải được danh từ «Lý» để áp dụng khái niệm «cùng kỳ lý» vào *đạo lẫn thuật* và tạo cho xứ sở họ một căn bản vững chắc để tiến đến phú cường. Nhật bản đã len được vào hàng đại cường quốc trong một thời gian kỷ lục nhờ có đạo lý lẫn vật lý.

Vào đầu thế kỷ XVIII, các trí thức Nhật bản, trong sự tiếp xúc với Tây phương, thấy ngay ưu thế của họ về kỹ thuật và hiểu ngay rằng nguyên do của ưu thế đó là khoa học. Đồng thời các nhà trí thức đó cũng tìm xem trong hệ thống Khổng học có những gì tương tự có thể dùng để cải tổ xứ sở họ hay không. Và họ đã tìm thấy trong *Đại Học* khái niệm *cách vật chí tri* và *cùng kỳ lý*. Một trong những người đầu tiên chú ý đến vấn đề này là Yamagata Bantô. Tìm trong tác phẩm của Chu Hy ông ta ghi nhận Chu Hy có đề cập đến ba khái niệm «cách vật cùng lý» (*kakubutsu kyûri*), «chí tri cùng lý» (*chichi kyûri*) và «sát vật cùng lý» (*sokubutsu*



*kyùri*). Tuy Yamatago Bantò thấy vấn đề, ông ta vẫn chưa tìm ra lối thoát khỏi sự chi phối của hệ thống tư tưởng Chu Hy. Nhưng qua sự tìm tòi của ông, ta thấy trí thức Nhật đã sớm ý thức rằng đem khoa học Tây phương vào Khổng học là cần, trong khi Trung hoa và Việt nam lại đặt vấn đề *lựa chọn văn hóa Đông hoặc Tây*. Từ sự chấp nhận quan điểm khoa học Tây phương là môn học về « Lý » của vật, trí thức Nhật tiến một bước nữa, và đây cũng là một bước kỳ tài: họ chấp nhận những nhà bác học Tây phương là những nhà đại Nho. Kepler và Galileo được Motoki Ryôei gọi là « những *daiju* (Đại Nho) đã đặt nền móng của môn học *kyùri* (cùng lý) ». Linnaeus, học giả trứ danh về thực vật học được gọi là một « hiền nhân » của thế giới. Thay vì coi Tây phương là mọi rợ, người Nhật công nhận Tây phương hơn Đông phương về môn học vật lý, căn bản cho sự hùng cường của họ. Và giới trí thức Nhật bước một bước nữa mà Việt nam và Trung hoa không chịu bước: họ quyết định phải cấp tốc học vật lý với người Tây phương bằng cách 1). học sinh ngữ để đọc được sách Tây phương, 2). dịch sách, 3). mời thầy vào dạy, và 4). cho người đi ngoại quốc để học.

Suy giải được khái niệm « cách vật chí tri » và « cùng kỳ lý » như vừa nói ở trên không phải là một việc thường, mà là một việc kỳ tài, và có một tầm quan trọng rất lớn lao. Nho gia Trung hoa Việt nam chỉ suy giải chương V của *Đại Học* dưới khía cạnh đạo lý, và có đề cập đến *cách vật* cũng chỉ nhìn dưới khía cạnh đạo lý mà thôi, nên không làm sao đem khoa học kỹ thuật vào hệ thống học cổ truyền, hoặc chấp nhận một hệ thống mới và song song với hệ thống cũ được. Nhờ suy giải chữ « Lý » rộng ra



mà người Nhật vừa giữ được hệ thống đạo lý Khổng học (cùng thể chế quân chủ, và, với thể chế quân chủ, sự ổn định chính trị cần thiết cho phát triển quốc gia), vừa ghép thêm vào đó được hệ thống vật lý Tây phương (với nền khoa học, kỹ thuật căn bản cho phù cường tiến bộ, của quốc gia). Trong giai đoạn canh tân cấp tốc, người Nhật đã đặt nặng vấn đề vật lý, nhưng ba mươi năm sau khi Nhật đã đi được một bước dài trên con đường kỹ nghệ hóa, họ lại chú tâm về vấn đề đạo lý, và đi đến một sự quân bình mỹ mãn. Dù phân biệt được hai nghĩa khác nhau của chữ «lý» trong đạo lý (*dōri*) và vật lý (*butsurei*) trí thức Nhật cũng vẫn còn bị Chu Hy ám ảnh thắc mắc về quan trọng tương đối của hai loại lý đó. Sakuma Shōzan, chẳng hạn, tự hỏi tại sao người Âu lại kém về đạo lý và giỏi về vật lý, trong khi «lý» trong đạo đức và khoa học chỉ là một. Mãi đến thời chấn hưng Meiji vấn đề mới được giải quyết dứt khoát bằng cách tách biệt hẳn «lý» của đạo lý Đông phương và «lý» của vật lý Tây phương. Người làm việc đó là Nishi Amane. Ông là người hoàn toàn gạt bỏ quan niệm về «lý» của Chu Hy bằng cách phân tách hai lãnh vực riêng biệt: lãnh vực vật lý (*butsurei*) gồm có người lẫn vạn vật, và lãnh vực thần lý (*shinri*) chỉ áp dụng cho người. Với quan điểm này, người Nhật vẫn giữ được hệ thống giá trị đạo lý Khổng giáo, vừa theo được hệ thống khoa học Tây phương. Thay vì đập đổ cái cũ và không xây dựng được cái mới, như trí thức Trung hoa và Việt nam đã làm, với những hậu quả tại hại mà ngày nay ai cũng thấy rõ, giới trí thức Nhật đã giữ được phần tinh hoa của tư tưởng Khổng Mạnh và bổ túc tư tưởng đó bằng cách ghép thêm vào đó hệ thống tư tưởng khoa học Tây phương. Họ đã không mất cái cũ, lại còn được thêm cái mới, nhờ biến được nghĩa chữ «Lý».



Nhờ biến mà họ thông và cứu được, trong khi Trung hoa và Việt nam, bám chặt vào tinh thần từ chương Tống Nho, thấy cùng mà không chịu biến để phải đi đến bế tắc. Chỉ vì một chữ « Lý » mà Trung hoa và Việt nam suy vong, trong khi Nhật lại hưng thịnh.

Nhưng sau chữ « Lý » đó là hai thái độ: một đẳng thành tâm cố gắng học hỏi, tìm hiểu cái hay cái dở của mình và của người, một đẳng thì tự cao tự mãn, chỉ lo hào nháng bề ngoài, và chỉ trích, xoi mói, chê bai người để che cái dở cái dốt của mình. Nếu ta không thay đổi thái độ ta sẽ phải suốt đời làm một dân tộc nô lệ, nghèo nàn, và dốt nát, đáng cho người khinh bỉ, chà đạp. Và bắt đầu công cuộc thay đổi thái độ này là đi sâu vào ý nghĩa của danh từ và tránh dùng danh từ một cách bừa bãi như hầu hết mọi người trong mọi giới — chính trị, tôn giáo, báo chí, và ngay cả đại học — đang làm hiện nay.

TÔN THẤT THIỆN

